

CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ HIỆU QUẢ PHÁT TRIỂN DNNVV TRONG NỀN KINH TẾ SỐ CỦA VIỆT NAM

ThS. Trần Thị Ngọc Hà

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Tóm tắt

Nghiên cứu phân tích phạm vi tác động của hệ thống chính sách thuế hiện hành đối với khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) tại Việt Nam trong bối cảnh chuyển dịch nền kinh tế sang mô hình số. Phân tích tập trung vào các đổi mới trong Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 (Luật số 67/2025/QH15) và Nghị quyết số 198/2025/QH15, đánh giá tác động của miễn thuế TNDN trong 3 năm đầu, thuế suất ưu đãi phân theo quy mô doanh thu và cải cách thủ tục hành chính thuế. Kết quả chỉ ra rằng, chính sách thuế đã giảm đáng kể gánh nặng tài chính cho SMEs và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, nhưng cũng đồng thời bộc lộ hạn chế trong tính khả thi khi thực thi và sự thiếu kết nối đồng bộ với các giải pháp hỗ trợ khác. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm tháo gỡ vướng mắc góp phần đưa chính sách vào áp dụng hiệu quả hơn.

Từ khóa: Chính sách thuế, SMEs, thu nhập doanh nghiệp, kinh tế số, Việt Nam.

Giới thiệu

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (Small and Medium-sized Enterprises - SMEs) giữ vai trò trung tâm trong cấu trúc kinh tế Việt Nam. Theo các số liệu thống kê chính thức, khu vực này chiếm khoảng 97-98% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động, đóng góp xấp xỉ 45% GDP, hơn 30% tổng thu ngân sách nhà nước và tạo việc làm cho trên 60% lực lượng lao động xã hội. Điều này cho thấy SMEs không chỉ là lực lượng đông đảo nhất mà còn là nền tảng quan trọng của tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội.

Trong bối cảnh nền kinh tế số phát triển nhanh, mô hình kinh doanh và phương thức quản trị doanh nghiệp đang thay đổi sâu sắc. Đối với SMEs, nhóm doanh nghiệp có quy mô vốn hạn chế và năng lực quản trị chưa đồng đều, quá trình này vừa mở ra cơ hội mở rộng thị trường, vừa làm gia tăng áp lực tuân thủ pháp lý và chi phí chuyển đổi. Do đó, việc đánh giá chính sách thuế đối với SMEs cần được đặt trong mối quan hệ với khả năng thích ứng và tham gia của doanh nghiệp vào nền kinh tế số, thay vì chỉ xem xét ở góc độ giảm nghĩa vụ tài chính.

Nhận thức rõ vai trò của SMEs, Việt Nam đã từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật thuế theo hướng hỗ trợ có mục tiêu. Nổi bật là cơ chế miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong giai đoạn đầu hoạt động và việc áp dụng thuế suất phân loại theo quy mô doanh thu, qua đó phản ánh nguyên tắc công bằng theo khả

năng nộp thuế và tạo dư địa tích lũy cho doanh nghiệp nhỏ. Tuy nhiên, chính sách thuế chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được triển khai đồng bộ và gắn với mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp trong dài hạn.

Phương pháp nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp giữa phân tích chính sách và phân tích tài liệu thứ cấp nhằm đánh giá hiệu quả chính sách thuế đối với SMEs. Cách tiếp cận này cho phép xem xét chính sách thuế như một quá trình điều chỉnh có chủ đích của Nhà nước trong bối cảnh kinh tế - xã hội cụ thể, thay vì chỉ là hệ thống quy định pháp lý tĩnh.

Phân tích chính sách được áp dụng để xác định và làm rõ các mốc điều chỉnh quan trọng trong chính sách thuế đối với SMEs, tập trung vào miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế suất ưu đãi theo quy mô doanh thu và cải cách thủ tục hành chính thuế. Qua đó, nghiên cứu làm rõ mục tiêu chính sách, phạm vi tác động và logic điều tiết đối với khu vực SMEs.

Song song với đó, phân tích tài liệu thứ cấp được thực hiện trên cơ sở các văn bản pháp luật, báo cáo thống kê chính thức và các nghiên cứu chuyên ngành, nhằm tăng độ tin cậy của phân tích. Nội dung nghiên cứu tập trung vào đặc điểm chính sách, tác động tài chính đối với doanh nghiệp và mối liên hệ giữa chính sách thuế và quá trình chuyển đổi số của SMEs.

Kết quả và thảo luận

Những điều chỉnh chính sách thuế trong giai đoạn gần đây cho thấy sự chuyển dịch rõ rệt trong tư duy quản lý nhà nước đối với khu vực SMEs. Thay vì tiếp cận theo hướng ưu đãi chung, dàn trải, chính sách thuế hiện hành đã bắt đầu được thiết kế theo nguyên tắc phân loại, có mục tiêu và gắn với từng giai đoạn phát triển của doanh nghiệp. Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15, ba nhóm chính sách nổi bật bao gồm: miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong giai đoạn đầu hoạt động; áp dụng thuế suất ưu đãi phân tầng theo quy mô doanh thu và cải cách thủ tục hành chính thuế gắn với chuyển đổi số.

Việc quy định miễn thuế TNDN trong ba năm đầu kể từ khi doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, theo Nghị quyết số 198/2025/QH15, thể hiện rõ mục tiêu hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua trong giai đoạn khởi nghiệp. Trên phương diện kinh tế học, giai đoạn đầu hoạt động là thời kỳ doanh nghiệp phải đối mặt đồng thời với chi phí đầu tư ban đầu lớn, doanh thu chưa ổn định và rủi ro thị trường cao. Đối với SMEs, những yếu tố này càng trở nên nghiêm trọng do hạn chế về vốn, khả năng tiếp cận tín dụng và năng lực quản trị.

Thực tế cho thấy, chính sách miễn thuế TNDN trong giai đoạn này không chỉ mang ý nghĩa giảm nghĩa vụ tài chính, mà còn tạo ra hiệu ứng tâm lý tích cực đối với nhà đầu tư và người khởi nghiệp, qua đó khuyến khích thành lập doanh nghiệp mới và mở rộng khu vực kinh tế chính thức. Về mặt dòng tiền, việc không phải nộp thuế TNDN giúp doanh nghiệp giữ lại toàn bộ lợi nhuận (nếu có) để tái đầu tư vào máy móc, công nghệ, nhân lực và thị trường, góp phần nâng cao xác suất tồn tại và phát triển sau giai đoạn khởi nghiệp.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng hiệu quả thực tế của chính sách này phụ thuộc lớn vào khả năng doanh nghiệp tạo ra lợi nhuận trong giai đoạn đầu. Đối với nhiều SMEs, đặc biệt là doanh nghiệp đổi mới sáng tạo hoặc hoạt động trong lĩnh vực công nghệ, thời gian đạt điểm hòa vốn có thể kéo dài hơn ba năm. Do đó, chính sách miễn thuế cần được nhìn nhận như một biện pháp hỗ trợ cần thiết nhưng chưa đủ, đòi hỏi phải được kết hợp với các công cụ chính sách khác.

Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng khi lần đầu tiên áp dụng thuế suất TNDN phân tầng theo quy mô doanh thu, với mức 15% đối với doanh nghiệp có doanh thu không quá 3 tỷ đồng và 17% đối với doanh nghiệp có doanh thu từ trên 3 tỷ đến 50 tỷ đồng, thấp

hơn mức thuế suất phổ thông 20%. Về mặt nguyên tắc, cách tiếp cận này phản ánh tư duy đánh thuế dựa trên năng lực chịu thuế, phù hợp với thông lệ quốc tế và góp phần tăng cường tính công bằng theo chiều dọc trong hệ thống thuế. Đối với SMEs, việc áp dụng thuế suất thấp hơn, giúp giảm chi phí thuế, cải thiện tỷ suất lợi nhuận sau thuế và tạo dư địa tài chính cho tích lũy nội bộ.

Từ góc độ hành vi doanh nghiệp, thuế suất ưu đãi theo quy mô doanh thu có thể tác động tích cực đến quyết định đầu tư và mở rộng sản xuất. Khi gánh nặng thuế được điều chỉnh phù hợp với quy mô, SMEs có động lực minh bạch hóa doanh thu và hoạt động trong khu vực chính thức, thay vì duy trì ở trạng thái “phi chính thức” để né tránh nghĩa vụ thuế. Điều này không chỉ có lợi cho doanh nghiệp mà còn góp phần mở rộng cơ sở thuế trong dài hạn.

Tuy nhiên, chính sách này cũng đặt ra thách thức trong quản lý thuế, đặc biệt là nguy cơ doanh nghiệp điều chỉnh hành vi ghi nhận doanh thu, nhằm duy trì trong ngưỡng thuế suất thấp. Do đó, việc triển khai thuế suất phân tầng cần đi kèm với hệ thống quản lý rủi ro và giám sát hiệu quả để hạn chế hành vi trục lợi chính sách.

Bên cạnh các ưu đãi về thuế suất và nghĩa vụ thuế, cải cách thủ tục hành chính thuế được xem là trụ cột thứ ba trong chính sách hỗ trợ SMEs. Việc mở rộng áp dụng hóa đơn điện tử, kê khai và nộp thuế điện tử đã góp phần đơn giản hóa quy trình tuân thủ, giảm chi phí thời gian và chi phí hành chính cho doanh nghiệp.

Đối với SMEs, vốn hạn chế về nhân sự chuyên môn và năng lực quản trị, việc giảm bớt thủ tục và tăng tính tự động hóa trong quản lý thuế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Không chỉ giúp doanh nghiệp tuân thủ pháp luật dễ dàng hơn, cải cách này còn thúc đẩy quá trình chuẩn hóa dữ liệu tài chính, tạo tiền đề cho việc ứng dụng các công cụ quản trị hiện đại và tham gia sâu hơn vào nền kinh tế số.

Tác động của chính sách thuế đến hoạt động của SMEs

Trước hết, tác động rõ rệt nhất của các chính sách thuế hiện hành mới là giảm gánh nặng tài chính cho SMEs. Việc miễn thuế TNDN trong giai đoạn đầu và áp dụng thuế suất ưu đãi theo quy mô doanh thu giúp doanh nghiệp cải thiện dòng tiền nội bộ, tăng khả năng thanh khoản và giảm áp lực chi phí cố định. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh chi phí vốn và chi phí tuân thủ gia tăng.

Thứ hai, các ưu đãi thuế tạo điều kiện cho SMEs tái cấu trúc hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng hiệu quả hơn. Khi chi phí thuế được điều chỉnh hợp

lý, doanh nghiệp có thêm nguồn lực để đầu tư vào đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và mở rộng thị trường. Trong dài hạn, điều này góp phần nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của khu vực SMEs.

Thứ ba, chính sách thuế và cải cách thủ tục hành chính đóng vai trò hỗ trợ quá trình chuyển đổi số của SMEs. Việc chuẩn hóa quy trình kế toán thuế và ứng dụng công nghệ trong quản lý thuế giúp doanh nghiệp dễ dàng tích hợp vào hệ sinh thái kinh tế số, đặc biệt trong các lĩnh vực như thương mại điện tử, dịch vụ số và logistics. Trong bối cảnh thị trường thương mại điện tử Việt Nam tăng trưởng nhanh và đạt quy mô lớn, khả năng tham gia hiệu quả của SMEs phụ thuộc đáng kể vào mức độ sẵn sàng về quản trị tài chính, thuế.

Biểu 1: Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động quý I năm 2025 của một số địa phương

	Doanh nghiệp đăng ký thành lập mới			Doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (DN)
	Số doanh nghiệp (DN)	Vốn đăng ký (Tỷ đồng)	Số lao động (Người)	
TP. Hồ Chí Minh	8.074	39.221	25.988	10.902
Hà Nội	6.598	49.489	30.331	7.687
Bình Dương	2.821	16.764	18.229	1.428
Đồng Nai	1.083	9.389	10.331	875
Đà Nẵng	918	3.321	5.234	1.031
Bắc Ninh	893	18.091	10.675	494
Hải Phòng	868	6.199	5.344	851
Thanh Hóa	866	5.017	6.111	691
Long An	687	6.397	5.354	459
Hưng Yên	643	11.919	6.027	221

Những hạn chế và thách thức

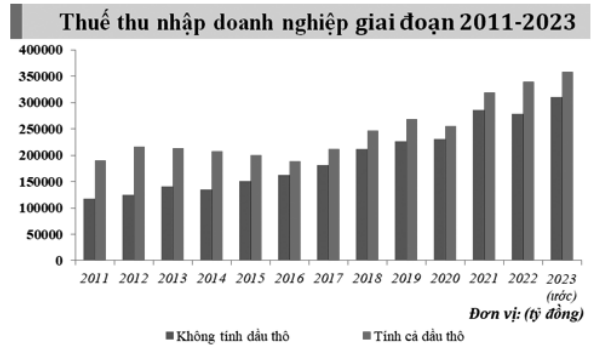
Mặc dù mang lại nhiều tác động tích cực, chính sách thuế đối với SMEs của Việt Nam vẫn bộc lộ không ít hạn chế trong quá trình triển khai. Trước hết là khoảng cách giữa quy định chính sách và thực tiễn thực thi. Nhiều SMEs gặp khó khăn trong việc tiếp cận và áp dụng ưu đãi do thiếu thông tin, hạn chế về năng lực kế toán thuế hoặc do các quy định hướng dẫn chưa đủ rõ ràng. Điều này làm giảm hiệu quả thực tế của chính sách.

Thứ hai, các ưu đãi thuế hiện nay chưa được thiết kế đồng bộ với các chính sách hỗ trợ khác, đặc biệt là chính sách tín dụng, đào tạo nguồn nhân lực và phát triển hạ tầng số. Trong nhiều trường hợp, dù được hưởng ưu đãi thuế, SMEs vẫn khó mở rộng hoạt động do không tiếp cận được vốn hoặc thiếu năng lực quản trị phù hợp với môi trường kinh doanh số.

Thứ ba, quá trình số hóa quản lý thuế, dù mang lại nhiều lợi ích, cũng phát sinh các chi phí tuân thủ ẩn. SMEs phải đầu tư vào hạ tầng công nghệ thông tin, đào tạo nhân sự và đáp ứng các yêu cầu mới về an ninh dữ liệu, bảo mật thông tin. Đối với những doanh nghiệp có quy mô rất nhỏ, các chi phí này có thể trở

thành rào cản đáng kể, làm giảm hiệu quả ròng của chính sách hỗ trợ...

Kết quả phân tích cho thấy, chính sách thuế hiện hành đã có những đổi mới đáng kể và tạo ra tác động tích cực đối với khu vực SMEs. Tuy nhiên, hiệu quả của chính sách không chỉ phụ thuộc vào mức độ ưu đãi, mà còn chịu ảnh hưởng lớn từ khả năng triển khai, mức độ phối hợp giữa các chính sách và năng lực nội tại của doanh nghiệp. Do đó, chính sách thuế cần được nhìn nhận như một bộ phận trong tổng thể hệ thống chính sách hỗ trợ SMEs, thay vì một công cụ đơn lẻ.



Một số kiến nghị hoàn thiện chính sách

Kết quả phân tích cho thấy, các chính sách thuế mới dành cho SMEs tại Việt Nam đã thể hiện bước tiến đáng kể cả về tư duy thiết kế lẫn phạm vi tác động. Việc chuyển từ ưu đãi dàn trải sang cách tiếp cận có mục tiêu, phân loại theo quy mô và giai đoạn phát triển của doanh nghiệp phản ánh sự thay đổi tích cực trong quan điểm điều tiết của Nhà nước. Tuy nhiên, để ưu đãi thuế thực sự trở thành động lực phát triển bền vững, chính sách cần tiếp tục được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, khả thi và gắn chặt hơn với thực tiễn hoạt động của SMEs.

Thứ nhất, cần hoàn thiện cơ chế hướng dẫn và giám sát thực thi chính sách thuế. Một trong những điểm nghẽn lớn hiện nay không nằm ở nội dung ưu đãi, mà ở khâu tổ chức thực thi. Nhiều SMEs gặp khó khăn khi tiếp cận và áp dụng chính sách do văn bản hướng dẫn còn phân tán, thiếu thống nhất hoặc sử dụng ngôn ngữ pháp lý phức tạp, vượt quá năng lực tiếp nhận của doanh nghiệp quy mô nhỏ. Điều này làm gia tăng chi phí tuân thủ và rủi ro pháp lý, qua đó làm giảm hiệu quả thực tế của chính sách.

Vì vậy, cần ban hành các hướng dẫn chi tiết, thống nhất và dễ tiếp cận hơn, đặc biệt đối với điều kiện hưởng ưu đãi, hồ sơ và thủ tục áp dụng. Các quy định nên được chuẩn hóa theo quy trình rõ ràng, hạn chế diễn giải chủ quan. Đồng thời, cơ chế giám sát cần được tăng cường theo hướng áp dụng quản lý rủi ro trong thanh tra, kiểm tra thuế, vừa bảo đảm kỷ cương tài chính, vừa tránh tạo áp lực hành chính không cần

thiết cho đa số SMEs tuân thủ tốt.

Thứ hai, tăng cường liên kết giữa ưu đãi thuế và các chính sách hỗ trợ phi thuế. Ưu đãi thuế sẽ phát huy hiệu quả cao nhất khi được đặt trong tổng thể hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp. Nếu thiếu sự kết nối với các chính sách tín dụng, đào tạo nguồn nhân lực, tư vấn quản trị và hỗ trợ thị trường, tác động của ưu đãi thuế sẽ bị giới hạn. Trên thực tế, nhiều SMEs dù được giảm nghĩa vụ thuế vẫn khó mở rộng hoạt động do hạn chế về vốn và năng lực quản trị.

Do đó, cần thiết kế cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa chính sách thuế và các chương trình hỗ trợ tiếp cận tín dụng, bảo lãnh vay vốn hoặc hỗ trợ lãi suất, nhằm chuyển hóa lợi ích thuế thành nguồn lực đầu tư thực chất. Đồng thời, việc gắn ưu đãi thuế với các chương trình đào tạo kỹ năng số, quản trị tài chính và kế toán sẽ giúp nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp, qua đó tăng hiệu quả sử dụng chính sách và giảm sự phụ thuộc thụ động vào hỗ trợ của Nhà nước.

Thứ ba, xây dựng cơ chế đánh giá định kỳ hiệu quả chính sách thuế.

Chính sách thuế chỉ thực sự hoàn thiện khi được đặt trong cơ chế đánh giá thường xuyên và điều chỉnh linh hoạt. Do đó, cần xây dựng hệ thống chỉ số đánh giá tác động kinh tế - xã hội của ưu đãi thuế đối với SMEs, kết hợp giữa các chỉ tiêu định lượng (doanh thu, lợi nhuận, việc làm, mức độ tuân thủ) và định tính (năng lực quản trị, mức độ sẵn sàng chuyển đổi số). Việc công bố định kỳ các báo cáo đánh giá sẽ góp phần nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và cung cấp cơ sở khoa học cho điều chỉnh chính sách.

Thứ tư, nâng cao năng lực số cho SMEs. Trong bối cảnh kinh tế số phát triển nhanh, năng lực số đã trở thành điều kiện nền tảng đối với sự tồn tại và phát

triển của SMEs. Vì vậy, chính sách thuế cần được triển khai song hành với các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng phần mềm kế toán thuế, hóa đơn điện tử và các nền tảng quản trị số. Khi làm chủ công nghệ, SMEs không chỉ giảm chi phí tuân thủ mà còn nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản trị tài chính, tạo tiền đề tham gia sâu hơn vào nền kinh tế số.

Kết luận

Hệ thống chính sách thuế mới tại Việt Nam đã tạo ra những thay đổi mang tính nền tảng trong cách tiếp cận hỗ trợ SMEs, góp phần giảm gánh nặng tài chính và cải thiện môi trường tuân thủ. Tuy nhiên, hiệu quả của chính sách không chỉ phụ thuộc vào mức độ ưu đãi trên văn bản pháp luật, mà còn chịu tác động lớn từ khâu triển khai và mức độ liên kết với các chính sách hỗ trợ khác. Trong bối cảnh Việt Nam thúc đẩy phát triển kinh tế số, chính sách thuế cần tiếp tục được hoàn thiện theo hướng linh hoạt, dựa trên đánh giá định kỳ và gắn kết chặt chẽ với chiến lược nâng cao năng lực số của doanh nghiệp, qua đó phát huy vai trò của SMEs như một trụ cột bền vững của nền kinh tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2025). Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (Luật số 67/2025/QH15). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2025). Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tư nhân. Hà Nội.
- Bộ Tài chính. (2024). Báo cáo cải cách thủ tục hành chính thuế và triển khai hóa đơn điện tử giai đoạn 2020-2024. Hà Nội.
- Tổng cục Thuế. (2024). Chuyển đổi số trong quản lý thuế và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hà Nội.
- World Trade Centers Association. (2024). Promoting the digital economy and supporting SMEs in Vietnam. New York: WTCA.
- HanoiTimes. (2024). Vietnam pushes digital economy to boost competitiveness amid urgent SME challenges. HanoiTimes. <https://hanoitimes.vn>
- Hà Nội Online. (2024). Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn, giảm thuế: Cơ hội và thách thức trong thực thi. <https://hanoionline.vn>
- VietnamFinance. (2024). Gỡ khó cho SMEs: Nhu cầu hoàn thiện chính sách thuế và hệ thống xếp hạng tín nhiệm. <https://vietnamfinance.vn>
- Vietnam.vn. (2025). Tax incentives for SMEs in 2025: Expected economic impacts and policy orientation. <https://vietnam.vn>

Nhận thức rõ vai trò của SMEs, Việt Nam đã từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật thuế theo hướng hỗ trợ có mục tiêu. Nổi bật là cơ chế miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong giai đoạn đầu hoạt động và việc áp dụng thuế suất phân loại theo quy mô doanh thu, qua đó phản ánh nguyên tắc công bằng theo khả năng nộp thuế và tạo dư địa tích lũy cho doanh nghiệp nhỏ. Tuy nhiên, chính sách thuế chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được triển khai đồng bộ và gắn với mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp trong dài hạn.